



## EFFICIENCY OF PUBLIC INVESTMENT FOR ECONOMIC GROWTH OF PHU YEN PROVINCE

Tran Van Tri<sup>1\*</sup>, Le Cong Huong<sup>2</sup>

<sup>1</sup>State Bank of Phu Yen Province Branch, Vietnam

<sup>2</sup>Department of Planning and Investment of Phu Yen province, Vietnam

ARTICLE INFO	ABSTRACT
<p>DOI: 10.52932/jfm.v15i7.488</p> <p><i>Received:</i> February 21, 2024</p> <p><i>Accepted:</i> June 20, 2024</p> <p><i>Published:</i> October 25, 2024</p> <p><b>Keywords:</b> Economic growth; ICOR coefficient; Public investment; Phu Yen province.</p> <p><b>JEL codes:</b> O10, O11, O16</p>	<p>Recently, Phu Yen province has spent a lot of public investment capital to invest in infrastructure systems and socio-economic development, but the effectiveness of using public investment capital for economic growth remains unclear has not been specifically and scientifically evaluated. The purpose of this study is to evaluate the effectiveness of using public investment capital on the province's economic growth by using the ICOR coefficient. Through calculation and analysis of data from the Statistical Yearbook of Phu Yen province for the period 2011-2022, the results show that the ICOR coefficient of public investment capital of the province is higher than the ICOR coefficient of social investment capital and the ICOR coefficient of off-budget investment capital and foreign direct investment capital. On the other hand, this coefficient is gradually increasing, proving that the province's efficiency in using public investment capital is not high and tends to decrease. Based on analysis, evaluation, and research, we recommend implementing many key solutions to improve the efficiency of using public investment capital such as continue to grasp and strictly enforce laws and regulations thoroughly. version related to public investment; review and cut projects that are not urgent in the medium-term public investment plan for 2021-2025; further strengthen the management of public investment activities; do a good job of compensation and site clearance in project implementation; continue to effectively implement the public investment restructuring process; and monitor, inspect and evaluate on public investment plans.</p>

\*Corresponding author:

Email: [leconghuong@gmail.com](mailto:leconghuong@gmail.com)



## HIỆU QUẢ ĐẦU TƯ CÔNG ĐỐI VỚI TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ CỦA TỈNH PHÚ YÊN

Trần Văn Tri<sup>1\*</sup>, Lê Công Hương<sup>2</sup>

<sup>1</sup>Ngân hàng nhà nước chi nhánh tỉnh Phú Yên

<sup>2</sup>Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Yên

THÔNG TIN	TÓM TẮT
<p>DOI: 10.52932/jfm.v15i7.488</p> <p>Ngày nhận: 21/02/2024</p> <p>Ngày nhận lại: 20/06/2024</p> <p>Ngày đăng: 25/10/2024</p> <p><b>Từ khóa:</b> Đầu tư công; Hệ số ICOR; Tăng trưởng kinh tế; Tỉnh Phú Yên.</p> <p><b>MÃ JEL:</b> O10, O11, O16</p>	<p>Thời gian qua, tỉnh Phú Yên đã dành nhiều nguồn vốn đầu tư công để đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng, phát triển kinh tế xã hội nhưng hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công như thế nào đối với tăng trưởng kinh tế vẫn chưa được đánh giá cụ thể, khoa học. Mục đích của nghiên cứu này là đánh giá hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công đối với tăng trưởng kinh tế của tỉnh bằng phương pháp sử dụng hệ số ICOR. Thông qua tính toán, phân tích số liệu từ Niên giám thống kê tỉnh Phú Yên giai đoạn 2011-2022, kết quả cho thấy, hệ số ICOR vốn đầu tư công của tỉnh cao hơn hệ số ICOR vốn đầu tư toàn xã hội và hệ số ICOR vốn đầu tư ngoài ngân sách và vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. Mặc khác, hệ số này đang có xu hướng tăng lên dần, chứng tỏ hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công của tỉnh chưa cao và xu hướng giảm. Trên cơ sở phân tích, đánh giá, nghiên cứu khuyến nghị thực hiện một số giải pháp chủ yếu để nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công như Tiếp tục quán triệt và thực hiện nghiêm túc các luật, văn bản liên quan đến đầu tư công; rà soát, cắt giảm các dự án chưa thực sự cấp thiết trong hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025; tăng cường hơn nữa công tác quản lý hoạt động đầu tư công; làm tốt công tác bồi thường giải phóng mặt bằng trong triển khai thực hiện dự án; tiếp tục thực hiện có hiệu quả quá trình tái cơ cấu đầu tư công; và theo dõi, kiểm tra, đánh giá về kế hoạch đầu tư công.</p>

### 1. Giới thiệu

Vốn đầu tư công và tăng trưởng kinh tế luôn là vấn đề được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm. Đến nay nhiều nghiên cứu đã khẳng định vốn đầu tư công là nguồn lực quan trọng

để thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của quốc gia và địa phương, nhất là tăng trưởng kinh tế. Các nghiên cứu trong nước đã thể hiện điều này như nghiên cứu của Nguyễn Thị Cảnh và cộng sự (2018), nghiên cứu của Dương Hoàng Linh, Nguyễn Thúy Quỳnh (2018), nghiên cứu của Nguyễn Việt Quy (2017)... Tuy nhiên, theo Hà Thị Tuyết Minh (2019), Đào Thị Hồ Hương (2021) thì hiệu quả của vốn đầu tư công đối với

\*Tác giả liên hệ:

Email: leconghuong@gmail.com

tăng trưởng kinh tế phụ thuộc rất nhiều yếu tố, trong đó có yếu tố thể chế, tình hình kinh tế xã hội, hoạt động quản lý đầu tư công của chính quyền... Do vậy, tùy theo từng quốc gia, địa phương mà hiệu quả của đầu tư công đối với tăng trưởng kinh tế là khác nhau.

Phú Yên là tỉnh thuộc vùng Duyên hải Nam Trung bộ, được tái lập tỉnh vào ngày 01/7/1989. Để phục vụ phát triển kinh tế xã hội, thời gian qua tỉnh đã huy động rất nhiều nguồn vốn để đầu tư, trong đó hàng năm đã trí lượng đáng kể vốn đầu tư công để đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng, nhờ đó đến nay hệ thống kết cấu hạ tầng trên địa bàn tỉnh như giao thông, điện, nước, thông tin liên lạc, trường học, y tế... tương đối đồng bộ, bộ mặt đô thị và nâng thôn có nhiều đổi mới. Do vậy, sau hơn 30 năm tái lập và phát triển, kinh tế của tỉnh đã có bước phát triển mạnh mẽ, tốc độ tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2011-2022 luôn ở mức khá, bình quân đạt 6,14%/năm, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng các ngành công nghiệp và dịch vụ, đời sống nhân dân từng bước được nâng cao. Đạt được kết quả đó có sự đóng góp của nhiều yếu tố, trong đó có vốn đầu tư công. Tuy nhiên, hiệu quả vốn đầu tư công đối với tăng trưởng kinh tế của tỉnh như thế nào, cao hay thấp thì đến nay chưa được nghiên cứu, đánh giá cụ thể, hệ thống và khoa học. Nhất là trong bối cảnh hiện nay tỉnh Phú Yên cùng với cả nước đang sử dụng công cụ đầu tư công để kích cầu phục hồi và tăng trưởng kinh tế, cũng như đang tổng kết, đánh giá kế hoạch 2021-2025 và chuẩn bị cho kỳ lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn tiếp theo. Do vậy, để làm rõ hơn vấn đề này, nghiên cứu sử dụng phương pháp hệ số ICOR để đánh giá hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công đối với tăng trưởng kinh tế tỉnh Phú Yên, từ đó kiến nghị một số giải pháp liên quan. Kết quả nghiên cứu sẽ là tài liệu quan trọng giúp các cấp chính quyền tỉnh điều chỉnh lại các hoạt động đầu tư công cho phù hợp nhằm sử dụng hiệu quả hơn nguồn lực quan trọng này. Đồng thời cung cấp thêm bằng chứng thực nghiệm về phân tích, đánh giá hiệu quả

đầu tư công đối với tăng trưởng kinh tế ở địa phương cấp tỉnh.

## 2. Tổng quan nghiên cứu

### 2.1. Cơ sở lý thuyết

Hiện nay, có nhiều định nghĩa khác nhau về đầu tư công. Theo Luật đầu tư công (2019), đầu tư công là hoạt động đầu tư của nhà nước vào các chương trình, dự án và đối tượng đầu tư công. Vốn đầu tư công gồm vốn ngân sách nhà nước, vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư. Đối với quốc gia và địa phương, vốn đầu tư công là một bộ phận của vốn đầu tư phát triển.

Về tăng trưởng kinh tế, theo Bùi Quang Bình (2017), tăng trưởng kinh tế là sự gia tăng thêm về quy mô, sản lượng sản phẩm hàng hóa, dịch vụ trong một thời kỳ nhất định. Tăng trưởng kinh tế có thể được đo lường bằng số tuyệt đối (quy mô tăng trưởng) hoặc số tương đối (tốc độ tăng trưởng). Theo các lý thuyết về mô hình tăng trưởng kinh tế như Lý thuyết tăng trưởng cổ điển, Lý thuyết tân cổ điển, Lý thuyết tăng trưởng hiện đại... thì tăng trưởng kinh tế chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố, trong đó có đầu tư công. Các lý thuyết này cho rằng, đầu tư công tác động thúc đẩy tăng trưởng kinh tế thông qua tổng cung và tổng cầu. Tác động đến tổng cầu với tư cách chi tiêu Chính phủ và tổng cung với tư cách hàm sản xuất (yếu tố vốn). Ngoài ra, đầu tư công còn tác động đến tổng cầu qua việc kích thích đầu tư tư nhân và tổng cung qua việc thu hút vốn đầu tư tư nhân. Cơ chế tác động được thể hiện qua các lý thuyết cụ thể như sau:

Lý thuyết tăng trưởng cổ điển khẳng định đầu tư luôn là nguồn lực quan trọng cho tăng trưởng sản lượng, vốn đầu tư quyết định mức gia tăng sản lượng qua đầu tư. Lý thuyết tân cổ điển kế thừa và tiếp tục khẳng định vốn đầu tư vẫn là yếu tố quyết định tới tăng trưởng nhưng cho rằng, đầu tư chỉ tạo ra và duy trì tăng trưởng trong ngắn hạn, tăng tích lũy vốn cho phép thúc đẩy tăng đầu tư nhưng không duy trì

trong dài hạn; tiến bộ công nghệ mới bảo đảm tăng trưởng bền vững.

Lý thuyết tăng trưởng hiện đại đã kế thừa các lý thuyết kinh tế trên, sử dụng hàm sản xuất để xem xét ảnh hưởng của vốn đầu tư và tích lũy vốn đầu tư tới tăng trưởng sản lượng. Nguồn tích lũy đầu tư lại phụ thuộc vào cách thức phân bổ sản lượng của nền kinh tế cho tiêu dùng và tiết kiệm hay tỷ lệ tiết kiệm. Quy mô và tỷ lệ tiết kiệm lại phụ thuộc vào hành vi tiêu dùng và xu hướng tiêu dùng cận biên và các chính sách của Chính phủ hay tăng trưởng sản lượng cũng ảnh hưởng trở lại đầu tư. Do vậy, để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững cần phải nâng cao hiệu quả vốn đầu tư công.

## 2.2. Các nghiên cứu trước có liên quan

Hiện nay đã có nhiều nghiên cứu trong và ngoài nước về đầu tư công đối với tăng trưởng kinh tế. Tại Việt Nam, Trần Nguyễn Ngọc Anh Thư và Lê Hoàng Phong (2014) đã đánh giá tác động của đầu tư công đối với tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong giai đoạn 1988-2012 thông qua mô hình phân phối trễ tự hồi quy (ARDL) và kết quả cho thấy, đầu tư công có tác động đến tăng trưởng kinh tế trong dài hạn. Kết quả nghiên cứu của Phạm Minh Hóa (2017) về hiệu quả đầu tư công của Việt Nam gắn với mục tiêu tăng trưởng kinh tế và giảm nghèo giai đoạn 1995-2015, thông qua một số chỉ tiêu tổng hợp và sử dụng một số công cụ kinh tế lượng, kết quả nghiên cứu cũng cho thấy, mối quan hệ giữa đầu tư công và tăng trưởng kinh tế là mối quan hệ thuận chiều, có nghĩa là nếu đầu tư công tăng thì tăng trưởng của nền kinh tế cũng tăng. Tương tự, Dương Hoàng Linh, Nguyễn Thúy Quỳnh (2018) đã sử dụng phương pháp chỉ số ICOR để đánh giá hiệu quả đầu tư công ở Việt Nam giai đoạn 2011-2020, kết quả cho thấy, hiệu quả đầu tư của Việt Nam giai đoạn 1995-2016 tương đối thấp, thể hiện ở hệ số ICOR khá cao và có xu hướng tăng qua từng năm. Đỗ Đình Thu và Phùng Thanh Loan (2022) nghiên cứu đầu tư công với tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam trong bối cảnh đại dịch COVID-19 đã phân tích thực trạng đầu tư

công của Việt Nam giai đoạn 2010-2020 thông qua phương pháp thống kê mô tả và tính toán thông qua một số chỉ số kinh tế. Kết quả cho thấy, đầu tư công ở Việt Nam là đầu tư dàn trải và kém hiệu quả. Hiệu quả đầu tư của Việt Nam thấp thể hiện qua chỉ số ICOR vẫn tiếp tục tăng và ở mức cao. Xem xét vai trò của đầu tư công đối với đầu tư tư nhân và tăng trưởng kinh tế, Nguyễn Thị Thùy Liên (2022) đã sử dụng hệ số thu hút và lan tỏa, kết quả cho thấy, đầu tư công là đầu tư vào cơ sở hạ tầng được xem như là vốn mới để thu hút đầu tư tư nhân vào sản xuất kinh doanh. Nguyễn Việt Vy (2017) sử dụng phương pháp phân tích thống kê. Kết quả đã cho thấy, đầu tư công có ảnh hưởng tích cực tới tăng trưởng kinh tế của tỉnh với mức độ không lớn và cũng không lấn át các yếu tố nguồn lực khác trong quá trình này.

Như vậy, khảo lược tổng quan nghiên cứu cho thấy, hiệu quả đầu tư công ảnh hưởng rất lớn đến tăng trưởng kinh tế. Đồng thời, đã có các nghiên cứu thực nghiệm về nội dung này nhưng phạm vi của các nghiên cứu chủ yếu ở cấp quốc gia, địa phương cấp tỉnh còn rất ít, đặc biệt trên địa bàn tỉnh Phú Yên cho có nghiên cứu nào được công bố về chủ đề này. Mặc khác, tùy theo mục tiêu, số liệu thu thập mà các tác giả đã sử dụng nhiều phương pháp khác nhau để đo lường hiệu quả đầu tư công, trong đó, phương pháp sử dụng hệ số ICOR được sử dụng khá nhiều và trên cơ sở kết quả nghiên cứu cũng đã khuyến nghị nhiều nội dung quan trọng góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công. Đây là các cơ sở lý thuyết và thực tiễn quan trọng để nghiên cứu này có thể áp dụng phân tích, đánh giá hiệu quả đầu tư công đối với tăng trưởng kinh tế của tỉnh Phú Yên.

## 3. Phương pháp nghiên cứu

Hiệu quả đầu tư công là hiệu quả đầu tư phát triển, tức là quan hệ so sánh giữa các kết quả kinh tế-xã hội đạt được của hoạt động đầu tư với các chi phí bỏ ra để có kết quả đó trong một thời kỳ nhất định (Hà Thị Tuyết Minh, 2019). Hiện có nhiều chỉ tiêu để đo lường hiệu



quả đầu tư công như thông qua mô hình kinh tế lượng, hiệu quả sử dụng vốn đầu tư (hệ số ICOR – Incremental Capital-Output Ration), hệ số thay đổi đầu tư tư nhân trên mỗi đơn vị tăng thêm của đầu tư công (hay còn gọi là hệ số thu hút); hệ số thay đổi năng suất lao động trên mỗi đơn vị tăng thêm của đầu tư công. Căn cứ vào mục đích nghiên cứu, phạm vi dữ liệu thu thập, tham khảo phương pháp nghiên cứu của các nghiên cứu trước như của Dương Hoàng Linh, Nguyễn Thúy Quỳnh (2018), Hà Thị Tuyết Minh (2019), Nguyễn Thị Thùy Liên (2022)... nghiên cứu này sử dụng phương pháp hệ số ICOR để tính toán, đánh giá hiệu quả đầu tư công đối với tăng trưởng kinh tế của tỉnh Phú Yên.

Theo Nguyễn Văn Phúc (2009), hệ số ICOR là một trong những chỉ số phản ánh tập trung mối quan hệ giữa đầu tư với tăng trưởng kinh tế. Theo Dương Hoàng Linh và cộng sự (2018), Hệ số ICOR cho biết khi muốn tăng thêm một đơn vị kết quả sản xuất thì cần phải tăng thêm bao nhiêu đơn vị vốn sản xuất. Hệ số ICOR càng lớn thì chi phí để tạo ra tăng trưởng càng cao, đầu tư chưa hiệu quả. Ở các nước phát triển, hệ số ICOR thường cao hơn ở các nước đang phát triển và ở mỗi nước thì hệ số ICOR luôn có xu hướng tăng lên, tức là khi kinh tế càng phát triển thì để tăng thêm một đơn vị kết quả sản xuất cần nhiều hơn về nguồn lực sản xuất nói chung và nhân tố vốn nói riêng, điều này do quy luật hiệu suất giảm dần. Theo Nguyễn Thị Thùy Liên (2022) ở các nước phát triển chỉ số này thường trong khoảng 3,5-4, tức là để kinh tế kỳ này tăng 1% so với kỳ trước thì cần tăng vốn đầu tư trong kỳ này lên 3,5-4% so với kỳ trước. Bên cạnh đó, Nguyễn Thị Thùy Liên (2022) cũng cho rằng, theo khuyến cáo của Ngân hàng Thế giới, đối với một nước đang phát triển, ICOR ở mức 3 là đầu tư có hiệu quả và nền kinh tế phát triển theo hướng bền vững.

Để nghiên cứu về hiệu quả sử dụng vốn đầu tư, hệ số ICOR có thể tính cho từng năm và chung cho nhiều năm trong một thời kỳ, có thể tính toán đối với cấp quốc gia hoặc cho từng địa phương, có thể tính ICOR từ các số tương đối

hoặc từ các số tuyệt đối. Về mặt ý nghĩa kinh tế, hệ số ICOR tính cho một giai đoạn sẽ phản ánh chính xác hơn việc tính ICOR cho hàng năm, vì trong một thời gian ngắn (một năm) có một lượng đầu tư chưa phát huy tác dụng và cũng không phản ảnh được nếu đầu tư dàn trải. Trong nghiên cứu này, sử dụng cách tính ICOR chung cho nhiều năm trong một thời kỳ trên cơ sở chỉ tiêu đầu vào là vốn đầu tư phát triển trên địa bàn tỉnh, vốn đầu tư công, vốn đầu tư ngoài ngân sách, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài theo giá so sánh 2010 và chỉ tiêu đầu ra là Tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) của nền kinh tế tỉnh và các thành phần kinh tế giai đoạn 2011-2022. Đồng thời, trong điều kiện nguồn số liệu hiện có về GRDP và vốn đầu tư thu thập được nghiên cứu sử dụng phương pháp tính ICOR từ các số tuyệt đối theo công thức:

$$ICOR_t = \frac{K_t}{GDP_t - GDP_{t-1}}$$

*Trong đó:*

$ICOR_t$ : Hiệu quả vốn đầu tư của năm nghiên cứu;

$K_t$ : Vốn đầu tư thực hiện của năm nghiên cứu;

$GRDP_t$ : Tổng sản phẩm trong tỉnh của năm nghiên cứu;

$GRDP_{t-1}$ : Tổng sản phẩm trong tỉnh của năm trước năm nghiên cứu;

t: năm nghiên cứu.

t-1: năm trước năm nghiên cứu

### 3.2. Dữ liệu nghiên cứu

Mục tiêu của nghiên cứu là đánh giá hiệu quả của đầu tư công đối với tăng trưởng kinh tế tỉnh Phú Yên, do đó tác giả sẽ tiến hành thu thập dữ liệu dạng chuỗi thời gian. Dữ liệu nghiên cứu được tác giả thu thập theo năm, từ năm 2010 đến năm 2022. Dữ liệu về GRDP (khu vực nhà nước, khu vực ngoài nhà nước, khu vực FDI), Vốn đầu tư (khu vực nhà nước, khu vực ngoài nhà nước, khu vực FDI) và các số liệu liên quan khác của tỉnh Phú Yên... là dữ liệu thứ cấp, được thu thập từ Niên Giám thống kê của tỉnh

Phú Yên và các cơ quan liên quan qua các năm. Các chỉ tiêu về vốn đầu tư thực hiện và tổng sản phẩm trong tỉnh để tính hệ số ICOR theo công thức trên đây được tính theo giá so sánh năm 2010. Các chỉ tiêu về vốn đầu tư thực hiện và tổng sản phẩm trong tỉnh để tính các nội dung còn lại được tính theo giá hiện hành.

Dữ liệu về GRDP, vốn đầu tư dùng để tính tốc độ tăng trưởng, hệ số ICOR của cả nước là dữ liệu tính theo giá so sánh 2010 đã được Tổng cục thống kê tính toán, xử lý và công bố chính thức tại Công thông tin điện tử của Tổng cục thống kê.

#### 4. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

##### 4.1. Kết quả nghiên cứu

###### Tình hình tăng trưởng kinh tế của tỉnh

Tính toán từ số liệu Niên giám thống kê tỉnh Phú Yên, tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh giai đoạn 2011-2022 liên tục tăng, nhưng không đều giữa các năm. Năm 2021, do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 nên có tốc độ tăng trưởng thấp nhất là 0,97%; tiếp theo là các năm 2020, 2012, 2014, 2011, 2015, 2022, 2019, 2013, 2016, 2018 với các tốc độ tăng tương ứng lần lượt là: 3,45%; 5,05%; 6,41%; 6,8%; 7,07%; 7,1%; 7,27%; 7,52% 7,54%; 7,74%.

**Bảng 1.** Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân của tỉnh Phú Yên giai đoạn 2011-2022

Đơn vị: (%)

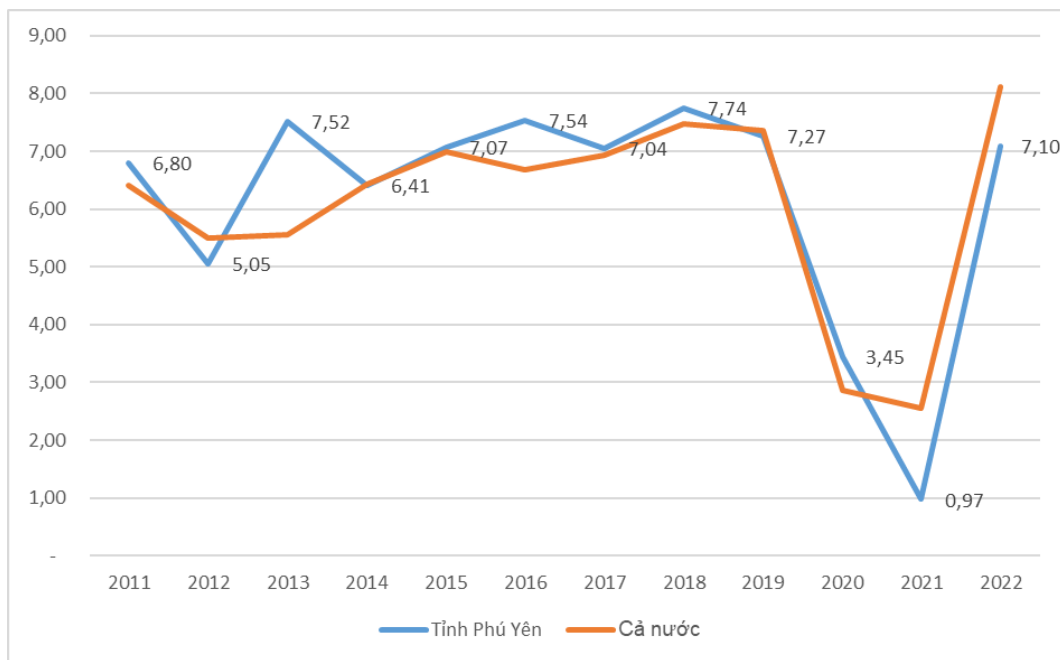
Bình quân giai đoạn	Tăng trưởng kinh tế	Tăng trưởng kinh tế theo ngành			Tăng trưởng kinh tế theo thành phần		
		Nông lâm thủy sản	Công nghiệp và xây dựng	Dịch vụ	Khu vực NN	Khu vực ngoài NN	Khu vực FDI
<b>1. Tỉnh Phú Yên</b>							
2011-2022	6,14	4,23	7,58	6,57	7,03	5,62	12,19
2011-2015	6,56	5,26	6,90	7,08	5,85	6,35	13,94
2016-2022	5,84	3,50	8,06	6,21	7,88	5,11	10,96
<b>2. Cả nước</b>							
2011-2022	6,06	3,10	6,97	6,63	4,34	6,46	8,10
2011-2015	6,17	3,07	7,01	7,17	4,82	6,61	8,35
2016-2022	5,98	3,12	6,95	6,24	4,00	6,35	7,92
<b>3. Tỉnh Phú Yên/cả nước</b>							
2011-2022	1,01	1,37	1,09	0,99	1,62	0,87	1,51
2011-2015	1,06	1,71	0,99	0,99	1,21	0,96	1,67
2016-2022	0,98	1,12	1,16	0,99	1,97	0,81	1,38

Số liệu ở Bảng 1 cho thấy, giai đoạn 2011-2022 tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân của tỉnh Phú Yên là 6,14%/năm, cao hơn 0,08 điểm phần trăm so với mức trung bình chung của cả nước (tốc độ tăng trưởng cả nước là 6,06%/năm); trong đó, giai đoạn 2011-2015 đạt 6,56%/năm (cao hơn 0,37 điểm phần trăm so với mức trung bình chung cả nước là 6,17%/năm) và giai đoạn 2016-2022 đạt 5,98%/năm (thấp hơn 0,14

điểm phần trăm so với mức trung bình chung cả nước là 5,98%/năm). So với giai đoạn 2011-2015, tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh Phú Yên bình quân giai đoạn 2016-2022 đạt thấp hơn 0,62 điểm phần trăm. Về tăng trưởng kinh tế theo ngành, kết quả tính toán cho thấy, ngành công nghiệp - xây dựng có tốc độ tăng trưởng cao nhất, có đóng góp lớn các ngành khác vào tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh, tiếp đến

là ngành dịch vụ và thấp nhất ngành nông lâm thủy sản. Giai đoạn 2011-2022, ngành công nghiệp – xây dựng tăng 7,58%/năm; trong đó, giai đoạn 2011-2015 đạt 6,9%/năm và giai đoạn 2016-2022 đạt 8,06%/năm. Ngành nông lâm thủy sản tăng 4,23%/năm; trong đó, giai đoạn 2011-2015 đạt 5,26%/năm và giai đoạn 2016-2022 đạt 3,5%/năm. Ngành dịch vụ tăng 6,57%/năm; trong đó, giai đoạn 2011-2015 đạt 7,08%/năm và giai đoạn 2016-2022 đạt 6,21%/năm. Về tăng

trưởng theo các khu vực kinh tế thì khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tăng cao nhất, bình quân 12,2%/năm; trong đó giai đoạn 2011-2015 đạt 13,9%/năm và giai đoạn 2016-2022 đạt 11%/năm. Khu vực kinh tế nhà nước tăng 7,03%/năm; trong đó giai đoạn 2011-2015 đạt 5,85%/năm và giai đoạn 2016-2022 đạt 7,88%/năm. Khu vực kinh tế ngoài nhà nước tăng 5,62%/năm; trong đó giai đoạn 2011-2015 đạt 6,61%/năm và giai đoạn 2016-2022 đạt 6,35%/năm.



**Hình 1.** Tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh Phú Yên giai đoạn 2011-2022 (Đơn vị: %)

*Vốn đầu tư công trong tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội*

Kết quả tính toán Bảng 2 cho thấy, vốn đầu tư phát triển toàn xã hội trên địa bàn tỉnh Phú Yên không ngừng tăng qua các năm, bình quân tăng 9,9%/năm. Trong đó, vốn đầu tư công tăng bình quân 7,1%/năm; vốn khu vực ngoài ngân sách nhà nước tăng bình quân 15,3%/năm và khu vực đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) giảm bình quân 8,5%/năm. Tỷ trọng vốn đầu

tư công chiếm tỷ trọng cao trong tổng vốn đầu tư phát triển và có xu hướng giảm khá nhanh từ 43,83% năm 2010, xuống còn 28,74% vào năm 2022. Ngược lại, tỷ trọng vốn đầu tư khu vực ngoài nhà nước có xu hướng tăng mạnh từ 43,8% năm 2010 lên 68,85% năm 2022. Đầu tư trực tiếp nước ngoài vào tỉnh chiếm tỷ trọng rất thấp, không quá 10% trong tổng vốn đầu tư phát triển và có xu hướng giảm, đến năm 2022 chỉ chiếm 2,38% trong tổng vốn đầu tư phát triển của tỉnh.

**Bảng 2.** Qui mô và cơ cấu vốn đầu tư phát triển trên địa bàn tỉnh Phú Yên từ năm 2010 đến năm 2022

Đơn vị: Tỷ đồng; (%)

Chỉ tiêu	2010		2015		2020		2022	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Tổng số	5.492	100,00	9.529	100,00	17.433	<b>100,00</b>	<b>19.092</b>	<b>100,00</b>
Vốn đầu tư công	2.407	43,83	2.819	29,58	6.728	38,59	5.487	28,74
Vốn KV ngoài NNNN	2.406	43,81	5.762	60,47	10.025	57,51	13.146	68,85
Vốn KV FDI	112	2,04	948	9,95	680	3,90	455	2,38

Bảng 2 cho thấy, việc huy động vốn đầu tư phát triển kinh tế trên địa bàn tỉnh trong thời gian qua chủ yếu là nguồn vốn trong nước. Bên cạnh nguồn vốn từ ngân sách nhà nước, các nguồn vốn từ doanh nghiệp, vốn của dân cư đã được huy động để phát triển kinh tế. Đối với nguồn vốn đầu tư nước ngoài chưa thật sự hấp

dẫn các nhà đầu tư nước ngoài đầu tư vào tỉnh do điều kiện về cơ sở hạ tầng, các điều kiện lợi thế khác...

*Qui mô và cơ cấu vốn đầu tư công trên địa bàn tỉnh Phú Yên*

**Bảng 3.** Qui mô và cơ cấu vốn đầu tư công trên địa bàn tỉnh Phú Yên từ năm 2010-2022

Đơn vị: Tỷ đồng; (%)

Chỉ tiêu	2010		2015		2020		2022	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
<b>Tổng số</b>	<b>2.407</b>	<b>100,0</b>	<b>2.868</b>	<b>100,0</b>	<b>6.728</b>	<b>100,0</b>	<b>5.491</b>	<b>100,0</b>
Vốn ngân sách NN	1.611	66,9	1.187	41,4	5.448	81,0	4.537	82,6
Vốn tín dụng	574	23,8	472	16,4	50	0,7	150	2,7
Vốn tự có DNNN và khác	221	9,2	510	17,8	1.229	18,3	799	14,6

Kết quả tính toán Bảng 3 cho thấy, qui mô vốn đầu tư công trên địa bàn tỉnh Phú Yên tăng từ 2.407 tỷ đồng năm 2010 lên 5.486,6 tỷ đồng năm 2022. Trong đó, giai đoạn 2011-2015, do ảnh hưởng của Nghị quyết 11/NQ-CP ngày 24/2/2011 về kiểm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, đảm bảo an sinh xã hội nên tốc độ tăng bình quân là 3,2%/năm; giai đoạn 2016-2020 vốn đầu tư công tăng trở lại với tốc độ tăng bình quân 18,6%/năm. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 nguồn thu ngân

sách giảm và nhiều công trình, dự án triển độ triển khai thực hiện chậm nên vốn đầu tư công giảm 9,7% trong giai đoạn 2021-2022.

*Đối với nguồn vốn ngân sách nhà nước:* Giai đoạn 2011-2022, nguồn vốn từ ngân sách nhà nước dành cho đầu tư công luôn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng vốn đầu tư công, trung bình khoảng 65% và không ngừng tăng lên với tốc độ tăng bình quân 9%/năm, từ 1.161 tỷ đồng năm 2010 lên 4.537,2 tỷ đồng năm 2022. Điều



này cho thấy, đầu tư công của tỉnh còn phụ thuộc tương đối lớn vào ngân sách nhà nước. Đến nay, phần lớn các công trình, dự án đầu tư sử dụng vốn ngân sách nhà nước được đầu tư hoàn thành, đưa vào sử dụng đã phát huy hiệu quả tích cực, tạo điều kiện cho phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Tuy vậy, vẫn còn một số công trình thi công kéo dài, chậm tiến độ do vướng mặt bằng: Tuyến Phước Tân-Bãi Ngà... cần phải đẩy nhanh tiến độ thực hiện để phát huy hiệu quả.

*Nguồn vốn tín dụng:* Đây là vốn vay tín dụng ưu đãi và tín dụng thương mại. Để tiếp cận nguồn vốn này không dễ như đối với nguồn cho vay của các ngân hàng thương mại vì các yêu cầu về thủ tục hồ sơ, thủ tục tương đối khắt khe và những dự án được vay phải nằm trong danh mục các dự án được vay do Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Trong thời gian qua, nguồn vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước trên địa bàn tỉnh có xu hướng tăng giảm thất thường, năm 2022 chỉ chiếm 2,7% trong vốn đầu tư công.

*Nguồn vốn đầu tư tự có của doanh nghiệp nhà nước và vốn huy động khác.* Các nguồn vốn này chiếm tỷ trọng thấp. Đối với vốn tự có của doanh nghiệp nhà nước chủ yếu làm nguồn đối ứng với nguồn vốn vay, số còn lại chủ yếu là đầu tư tài sản cố định để phục vụ quản lý doanh nghiệp. Đối với nguồn vốn khác (chủ yếu vốn ODA) đóng vai trò quan trọng trong công cuộc thực hiện xóa đói giảm nghèo, chủ yếu thực hiện đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng và công trình công cộng như hệ thống giao thông, thủy lợi, hệ thống cấp thoát nước, trường học, bệnh viện, xử lý chất thải,...

### *Hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công*

Kết quả tính toán hệ số ICOR ở Bảng 4 cho thấy, hệ số ICOR vốn đầu tư phát triển toàn xã hội từ năm 2011 đến năm 2022 luôn có sự biến động tăng qua các giai đoạn phát triển và cao hơn bình quân chung của cả nước. Giai đoạn 2011-2015, ICOR của Phú Yên là 6,79, cả nước là 5,92, cao hơn cả nước 1,15 lần; giai đoạn 2016-2020, ICOR của Phú Yên là 7,21, cả nước là 6,77, cao hơn cả nước 1,07 lần và giai đoạn 2021-2022, ICOR của Phú Yên là 10,4, cả nước là 7,54, cao hơn cả nước 1,38 lần.

*Nguồn vốn khu vực ngoài nhà nước:* Hệ số ICOR vốn đầu tư khu vực ngoài nhà nước tăng qua các giai đoạn và những vẫn thấp hơn ICOR vốn đầu tư phát triển toàn xã hội của tỉnh. Cụ thể, ICOR giai đoạn 2011-2015 là 4,59; giai đoạn 2016-2020 là 9,16; giai đoạn 2021-2022 là 8,77.

*Đối với vốn khu vực đầu tư trực tiếp nước ngoài:* Giai đoạn 2011-2015, hệ số ICOR của khu vực này khá cao, từ sau năm 2015 hệ số ICOR của khu vực này thấp hơn ICOR của vốn đầu tư phát triển toàn xã hội của tỉnh và vực ngoài ngân sách nhà nước. Cụ thể, giai đoạn 2011-2015 ICOR là 24,4; giai đoạn 2016-2020 giảm xuống còn 2,17 và giai đoạn 2021-2022 là 3,7.

*Đối với vốn đầu tư công:* Hệ số ICOR khu vực này biến động qua các giai đoạn, trong đó, giai đoạn 2011-2015 là 16,85; giai đoạn 2016-2020 giảm xuống còn là 6,89 và giai đoạn 2021-2022 tăng lên 25,03. So với ICOR vốn đầu tư phát triển toàn xã hội của tỉnh và ICOR khu vực ngoài ngân sách nhà nước, khu vực vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài và với mức trung bình chung cả cả nước thì ICOR vốn đầu tư công khá cao, chứng tỏ hiệu quả vốn đầu tư công trong giai đoạn nghiên cứu chưa cao.

**Bảng 4.** Chỉ số ICOR của tỉnh Phú Yên và cả nước giai đoạn 2011-2022

Số TT	Giai đoạn	Hệ số ICOR bình quân giai đoạn			
		Vốn đầu tư phát triển toàn xã hội	Vốn đầu tư công	Vốn đầu tư khu vực ngoài NS nhà nước	Vốn đầu tư khu vực FDI
<b>I Tỉnh Phú Yên</b>					
1	2011-2015	6,79	16,85	4,59	24,32
2	2016-2020	7,21	6,89	9,16	2,17
3	2021-2022	10,40	25,03	8,77	3,70
4	2011-2022	7,53	10,53	7,35	9,20
<b>II Cả nước</b>					
1	2011-2015	5,92	10,95	5,31	4,95
2	2016-2020	6,77	15,35	6,77	4,86
3	2021-2022	7,54	9,29	8,49	5,99
4	2011-2022	6,63	12,07	6,60	5,09
<b>III Tỉnh Phú Yên/cả nước</b>					
1	2011-2015	1,15	1,54	0,86	4,91
2	2016-2020	1,07	0,45	1,35	0,45
3	2021-2022	1,38	2,70	1,03	0,62
4	2011-2022	1,14	0,87	1,11	1,81

**4.2. Thảo luận kết quả**

Qua phân tích, đánh giá tình hình tăng trưởng kinh tế, đầu tư công trên địa bàn tỉnh Phú Yên, kết quả nghiên cứu thấy:

Là tỉnh ven biển còn nhiều khó khăn nhưng sau hơn 30 năm tái lập và phát triển, *tăng trưởng kinh tế của tỉnh Phú Yên luôn ở mức khá*, tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân giai đoạn 2011 - 2022 đạt 6,14%/năm. Tăng trưởng kinh tế đã thúc đẩy quy mô nền kinh tế tỉnh ngày càng được mở rộng. Đến năm 2022, giá trị GRDP (theo giá so sánh 2010) đạt trên 28,7 nghìn tỷ đồng, tăng gấp 2,1 lần so với năm 2010. Đồng thời, đã góp phần thúc đẩy cơ cấu kinh tế tỉnh chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng các ngành phi nông nghiệp và giảm dần tỷ trọng ngành nông nghiệp. Đến năm 2022, ngành nông lâm nghiệp và thủy sản chiếm 25,57%; công nghiệp - xây dựng chiếm 26,65%; dịch vụ chiếm 43,16% và thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 4,62%. GRDP bình quân

đầu người năm 2022 đạt khoảng 57,6 triệu đồng/người, tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 4,07% năm 2022.

Để thúc đẩy phát triển kinh tế, *thời gian qua tỉnh đã huy động khá lớn lượng vốn cho đầu tư phát triển*. Đặc biệt, hàng năm tỉnh luôn quan tâm dành lượng lớn vốn đầu tư từ ngân sách để đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng như giao thông, thủy lợi, điện, nước, thông tin liên lạc, phát triển hệ thống đô thị... Tổng vốn đầu tư công giai đoạn 2011-2022 dành để đầu tư hơn 34 nghìn tỷ đồng. Đến nay, nhiều công trình lớn đã hoàn thành đưa vào sử dụng, bộ mặt đô thị và nông thôn có nhiều đổi mới, khởi sắc; hệ thống trường lớp học, cơ sở y tế phát triển rộng khắp, cơ bản đáp ứng tốt nhu cầu học tập, chăm sóc sức khỏe của nhân dân. Một số công trình lớn được quan tâm đầu tư tác động lớn đến kinh tế xã hội tỉnh: Tuyến đường ven biển, cầu mới Hùng Vương, công viên ven biển,... Tuy nhiên, so với các tỉnh lân cận trong khu vực Duyên hải miền Trung thì

quy mô vốn đầu tư công của tỉnh Phú Yên còn hạn chế; tỷ trọng vốn đầu tư công ngày càng giảm trong tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội. Tính riêng năm 2021, vốn đầu tư công của Phú Yên chỉ bằng 35% so với Bình Định; 86,5% so với Quảng Ngãi; 57,5% so với Quảng Nam... Trong cơ cấu vốn đầu tư công thì vốn đầu tư từ ngân sách Nhà nước chiếm tỷ trọng lớn, các nguồn vốn khác chiếm tỷ trọng không đáng kể. Mặc khác, so với nhu cầu phát triển hiện nay và trong thời gian đến thì vốn đầu tư công chưa đáp ứng nhu cầu đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

Về hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công trên địa bàn tỉnh, theo kết quả tính toán hệ số ICOR vốn đầu tư công của tỉnh Phú Yên biến động qua các giai đoạn phát triển, trong đó giai đoạn 2011-2015 hệ số ICOR vốn đầu tư công là 16,85; giai đoạn 2016-2020 giảm xuống còn là 6,89; giai đoạn 2021-2022 là 25,03. Tính bình quân cả giai đoạn 2011-2022, hệ số ICOR vốn đầu tư công của tỉnh là 10,53 và cao hơn 1,4 lần hệ số ICOR vốn đầu tư phát triển toàn xã hội của tỉnh, cao hơn 1,43 lần hệ số ICOR vốn đầu tư ngoài nhà nước của tỉnh, cao hơn 1,14 lần hệ số ICOR của vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài của tỉnh và bằng 0,87 lần hệ số ICOR vốn đầu tư công của cả nước. Chỉ số ICOR đầu tư công tăng nhanh hơn qua các giai đoạn và cao hơn so với chỉ số ICOR chung của nền kinh tế tỉnh và các thành phần kinh tế khác của tỉnh, cao hơn mức khuyến cáo của Ngân hàng Thế giới đối các nước đang phát triển thì hệ số ICOR ở mức 3,0 là hệ số phản ánh hiệu quả và nền kinh tế phát triển bền vững thì ngoài yếu tố đặc thù của vốn đầu tư công là đầu tư chủ yếu được đầu tư cho cơ sở hạ tầng, không mang lại lợi nhuận trực tiếp mà gián tiếp thúc đẩy tăng trưởng; yếu tố hiệu suất biên giảm dần ...nó cho chúng ta thấy, hiệu quả đầu tư công trên địa bàn tỉnh rất thấp và đang có xu hướng giảm dần. Kết quả này cũng phù hợp với các nghiên cứu liên quan đối với cả nước và một số tỉnh, hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công còn thấp đang là thực trạng chung.

Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy, thời gian qua tỉnh đã thu hút lượng vốn khá lớn từ khu vực ngoài ngân sách để đầu tư phát triển kinh tế; nhưng ICOR của khu vực này tăng, nó phản ánh hiệu quả đầu tư giai đoạn sau thấp hơn giai đoạn trước. Do đây là nguồn vốn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng vốn đầu tư toàn xã hội, thời gian đến cần nâng cao hơn nữa hiệu quả sử dụng vốn trên cơ sở rà soát tình hình triển khai các dự án đã quyết định chủ trương đầu tư nhưng triển khai chậm, hoặc không triển khai, kịp thời tháo gỡ khó khăn vướng mắc, thúc đẩy tiến độ thực hiện hoàn thành đưa vào hoạt động nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư. Bên cạnh đó, tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng chính quyền điện tử tiến tới chính quyền số ... để tăng cường thu hút đầu tư vào tỉnh.

Đối với nguồn vốn FDI, thời gian qua tỉnh Phú Yên thu hút khá ít các dự án FDI, nhưng đối với các dự án đã đầu tư và đi vào hoạt động cũng đã mang lại hiệu quả khá lớn so với các dự án của các nhà đầu tư trong nước khác, cụ thể như Khu du lịch Bãi Tràm, nhà máy đường của công ty KCP....

Trên kết quả phân tích, đánh giá nghiên cứu cũng nhận thấy, bên cạnh chịu tác động của tình hình kinh tế xã hội của khu vực, cả nước; ảnh hưởng của dịch Covid-19 và sự không đồng bộ, thống nhất giữa các quy định tại các Luật liên quan đến đầu tư công như Luật đầu tư công, Luật Ngân sách, Luật đất đai, Luật xây dựng... nguyên nhân làm hiệu quả đầu tư công của tỉnh thấp là do các tồn tại hạn chế sau:

Quy mô nền kinh tế tỉnh còn nhỏ, năng lực sản xuất chưa cao, nên nguồn thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh dành để đầu tư còn hạn chế, không ổn định; vốn đầu tư công còn phải phụ thuộc rất lớn vào sự hỗ trợ đầu tư từ ngân sách Trung ương.

Mặc dù, các dự án đầu tư công hiện được cải thiện nhưng thiếu các dự án đầu tư công mang tính động lực. Tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công hàng năm còn thấp, nhiều dự án đầu tư công

chậm tiến độ, kéo dài thời gian thực hiện và vào khai thác sử dụng.

*Kế hoạch đầu tư công phải điều chỉnh nhiều lần trong quá trình thực hiện; nhiều dự án không giải ngân hết kế hoạch vốn đã giao, phải điều chỉnh giảm kế hoạch vốn sang các dự án khác đã ảnh hưởng đến tiến độ giải ngân hàng năm của tỉnh.*

*Công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư, giải phóng mặt bằng tại nhiều dự án còn gặp khó khăn, vướng mắc, mất nhiều thời gian nên làm chậm tiến độ của nhiều dự án. Nhiều dự án phải điều chỉnh tăng tổng mức đầu tư do chi phí giải phóng mặt bằng tăng cao, gây khó khăn trong việc cân đối vốn và hoàn thành dự án theo đúng tiến độ, ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả đầu tư của các dự án.*

*Công tác giám sát, kiểm tra, thanh tra chưa được quan tâm đúng mức.*

## 5. Kết luận và khuyến nghị

### 5.1. Kết luận

Thời gian qua, hoạt động đầu tư công của tỉnh đã đóng góp quan trọng vào phát triển kinh tế xã hội. Tuy nhiên, hiệu quả đầu tư công đối với tăng trưởng chưa cao, đang có xu hướng giảm, điều này sẽ ảnh hưởng đến phát triển kinh tế xã hội tỉnh trong thời gian đến, nhất là trong bối cảnh tỉnh đang sử dụng công cụ vốn đầu tư công để kích cầu nhằm sớm phục hồi nền kinh tế sau đại dịch Covid-19. Do vậy, để vốn đầu tư công thực sự là một trong các nguồn lực quan trọng cho tăng trưởng kinh tế của tỉnh Phú Yên trong thời gian đến cần phải nâng cao hơn nữa hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công.

### 5.2. Khuyến nghị

Từ kết quả phân tích trên cho thấy, trong những năm tiếp theo, để hiệu quả đầu tư công được nâng cao, đóng góp tích cực hơn cho tăng trưởng kinh tế của tỉnh, khuyến nghị thực hiện một số giải pháp chủ yếu như sau:

*Một là, chủ động rà soát những quy định của pháp luật về đầu tư công còn vướng mắc trong quá trình thực hiện để kiến nghị các Bộ, ngành Trung ương kịp thời sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, tạo thuận lợi trong quá trình tiến khai thực hiện. Đồng thời, tiếp tục quán triệt và thực hiện nghiêm túc các Luật, văn bản quy phạm pháp luật và chỉ đạo của các cấp về đầu tư công. Trên cơ sở Quy hoạch tỉnh được phê duyệt, tăng cường rà soát để lập, điều chỉnh bổ sung các quy hoạch chuyên ngành kỹ thuật cho phù hợp với tình hình thực tế, tạo cơ sở pháp lý vững chắc trong việc lập, triển khai thực hiện các dự án đầu tư công.*

*Hai là, tập trung rà soát toàn bộ các dự án dự kiến bố trí kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025, bao gồm cả dự án chuyển tiếp và dự án mới ở từng cấp, bảo đảm tập trung hơn; kiên quyết cắt giảm những dự án khởi công mới chưa thực sự cần thiết, tập trung đầu tư các dự án quan trọng, cần thiết, sớm phát huy hiệu quả, góp phần hoàn thành chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII. Các dự án khởi công mới phải làm rõ về sự cấp thiết và hiệu quả đầu tư.*

*Ba là, tăng cường hơn nữa công tác quản lý nhà nước về hoạt động đầu tư công trên địa bàn tỉnh. Nâng cao hơn nữa năng lực phân tích, lập kế hoạch, làm tốt công tác chuẩn bị đầu tư, chuẩn bị thực hiện dự án, kịp thời, quyết liệt xử lý có hiệu quả các vấn đề, khó khăn, vướng mắc phát sinh; làm việc nào dứt điểm việc đó, không để kéo dài, gây ách tắc, lãng phí nguồn lực.*

*Công tác lập kế hoạch đầu tư công hằng năm cần bám sát với tình hình thực tế và khả năng thực hiện, nhất là đối với các dự án đang vướng công tác bồi thường giải phóng mặt bằng, để tránh không giải ngân hết kế hoạch vốn đã giao, phải điều chỉnh giảm kế hoạch vốn sang các dự án khác.*

*Bốn là, làm tốt công tác bồi thường giải phóng mặt bằng. Tập trung huy động cả hệ thống chính trị ưu tiên cho công tác bồi thường giải phóng mặt bằng để kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc các dự án, nhất là các dự án*



lớn, quan trọng, có tính liên vùng để có mặt bằng bàn giao cho các chủ đầu tư. Trong đó, làm tốt hơn nữa công tác tuyên truyền, vận động người dân khu vực thực hiện dự án để họ hiểu, chấp nhận di dời và các vấn đề liên quan đến giá trị bồi thường đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế.

*Năm là*, thực hiện tốt, có hiệu quả quá trình tái cơ cấu đầu tư công. Trong đó, vốn đầu tư công chỉ tập trung đầu tư cho các chương trình mục tiêu quốc gia, các dự án quan trọng, có ý nghĩa lớn, lan tỏa đến phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; các công trình liên quan khác huy động tối đa và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư của nền kinh tế để đầu tư. Cải thiện chiều sâu môi trường đầu tư để thu hút các nguồn vốn ngoài ngân sách cho đầu tư phát triển; tập trung rà soát các dự án ngoài ngân sách đã có chủ trương nhưng chưa triển khai thực hiện, hoặc chưa đầu tư hoàn thành theo tiến độ đã cấp để có giải pháp xử lý hiệu quả các dự án này....

*Sáu là*, tăng cường công tác theo dõi, kiểm tra, đánh giá về kế hoạch đầu tư công. Thực hiện nghiêm chế độ báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công định kỳ hoặc đột xuất theo

chế độ báo cáo quy định; trong đó, phải đánh giá kết quả thực hiện, những tồn tại, hạn chế và đề xuất kiến nghị các cấp có thẩm quyền giải quyết những khó khăn, vướng mắc. Theo dõi, đôn đốc các chủ đầu tư, Ban quản lý dự án, nhà thầu.. đẩy nhanh tiến độ thực hiện, giải ngân dự án. Kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong triển khai kế hoạch đầu tư công, thực hiện dự án. Chủ động báo cáo cấp có thẩm quyền điều chỉnh kế hoạch đầu tư trung hạn, hằng năm để thúc đẩy giải ngân và nâng cao hiệu quả đầu tư.

### 5.3. Hạn chế

Bài viết phân tích hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công dựa vào hệ số sử dụng vốn (ICOR) của tỉnh giai đoạn 2010-2022. Để các nhận định từ kết quả nghiên cứu trên chắc chắn hơn, cần phải đánh giá, phân tích thêm một số chỉ tiêu liên quan như đóng góp của đầu tư công đối với tăng trưởng, hệ số thay đổi đầu tư tư nhân trên mỗi đơn vị tăng thêm của đầu tư công; hệ số thay đổi năng suất lao động trên mỗi đơn vị tăng thêm của đầu tư công. Đồng thời sử dụng mô hình kinh tế lượng để phân tích định lượng tác động của đầu tư công đến tăng trưởng kinh tế thông qua các mô hình kinh tế lượng.

### Tài liệu tham khảo

- Bùi Quang Bình (2017). Tác động từ vốn đầu tư công tới tăng trưởng kinh tế ở Tây Nguyên-Trường hợp tỉnh Đắk Nông. *Tạp chí kinh tế và phát triển*, 243 (9/2018), 90-96.
- Cục Thống kê tỉnh Phú Yên (2010-2022). *Niên giám thống kê tỉnh Phú Yên các năm, từ năm 2000 đến năm 2022*. Nhà xuất bản Thống Kê.
- Dương Hoàng Linh, Nguyễn Thúy Quỳnh (2018). Tác động của đầu tư công đến tăng trưởng tại Việt Nam. *Tạp chí kinh tế tài chính Việt Nam*, 2 (2018). [https://mof.gov.vn/webcenter/portal/ttp/tpc/pages\\_r//chi-tiet-tin-ttpc?dDocName=MOFUCM236509](https://mof.gov.vn/webcenter/portal/ttp/tpc/pages_r//chi-tiet-tin-ttpc?dDocName=MOFUCM236509)
- Đào Thị Hồ Hương (2021). *Hiệu quả đầu tư công trong giai đoạn hiện nay của Việt Nam*. Học viện ngân hàng, Việt Nam.
- Đỗ Đình Thu và Phùng Thanh Loan (2022). Đầu tư công với tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam trong bối cảnh đại dịch covid-19. *Tạp chí nghiên cứu Tài chính - Kế toán*, 01(222). <https://sti.vista.gov.vn/tw/Lists/TaiLieuKHCN/Attachments/336340/CVv266S012022018.pdf>
- Hà Thị Tuyết Minh (2019). *Nâng cao hiệu quả đầu tư công từ vốn ngân sách nhà nước tại tỉnh Hòa Bình*. Học viện tài chính, Việt Nam.
- Nguyễn Thị Cành và cộng sự (2018). Tác động của đầu tư công đến thu hút đầu tư tư nhân và tăng trưởng kinh tế tại Việt Nam. *Tạp chí Khoa học Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh*, 13(2), 91-105. <https://doi.org/10.46223/HCMCOUJS.econ.vi.13.2.511.2018>



- Nguyễn Thị Thùy Liên (2022). Vai trò của đầu tư công đối với đầu tư tư nhân và tăng trưởng qua các hệ số thu hút và lan tỏa. *Tạp chí nghiên cứu Tài chính- Marketing*, 67 (2/2022). <https://doi.org/10.52932/jfm.vi67>
- Nguyễn Văn Phúc (2009). Đầu tư, hiệu quả đầu tư và tăng trưởng kinh tế dài hạn: Lý thuyết, mô hình kiểm nghiệm và trong trường hợp Việt Nam. *Tạp chí Khoa học Trường đại học Mở TP HCM*, 4 (1/2009), 3-10. <https://journalofscience.ou.edu.vn/index.php/econ-vi/article/view/1629>
- Nguyễn Việt Quy (2017). Tác động của đầu tư công đối với tăng trưởng kinh tế tỉnh Quảng Ngãi. *Tạp chí khoa học và công nghệ Đại học Đà Nẵng*, 04(113/2017), 117-122. <https://jst-ud.vn/jst-ud/article/view/3164>
- Phạm Minh Hóa (2017). *Nâng cao hiệu quả đầu tư công tại Việt Nam*. Luận án tiến sỹ kinh tế, Đại học kinh tế quốc dân Hà Nội, Việt Nam.
- Quốc hội (2019). Luật số 39/2019/QH14 ngày 13/06/2019 về Luật Đầu tư công.
- Trần Ngọc Anh Thư và Lê Hoàng Phong (2014). Tác động của đầu tư công đối với tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam: Góc nhìn thực nghiệm từ mô hình ARDL. *Tạp chí Phát triển & Hội nhập*, 19(11-12/2014), 3-10. <https://www.uef.edu.vn/newsimg/tap-chi-uef/2014-11-12-19/1.pdf>